

Bản án số: 04 /2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21-02-2025
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Đình Hùng.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Trịnh Diễm và bà Lê Thị Thuý Vân.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thị Ngọc Thuý - Thư ký Toà án nhân dân huyện Triệu Phong.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong tham gia phiên tòa:* Bà Ngô Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 98/2024/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2024, về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị B, sinh năm 1992; nơi cư trú: thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Hữu L, sinh năm 1988; nơi cư trú: thôn L, xã T (nay là xã T), huyện T, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/10/2024, bà Trần Thị B trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị B và ông Trần Hữu L tự nguyện yêu nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 30 tháng 01 năm 2013, tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại nhà bà ngoại của chồng tại thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Cho đến năm 2018, hai vợ chồng xây nhà tại thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị để sinh sống. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc cho đến đầu năm 2023, thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hai người không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng cứ lặp đi lặp lại nhiều lần, nay không thể hàn gắn được. Đến đầu tháng 9 năm 2024, bà B bỏ về nhà mẹ đẻ tại

thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị để sinh sống, còn ông L ở nhà của vợ chồng tại thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị. Nay, thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà B đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

1. Về tình cảm: Đề nghị Tòa án giải quyết cho bà B được ly hôn với ông Nguyễn Hữu L1

2. Về con chung: Vợ chồng có 03 đứa con chung là các cháu Nguyễn Ngọc Nhã K, sinh ngày 10 tháng 07 năm 2013, Nguyễn Phước Gia H, sinh ngày 18 tháng 5 năm 2015, Nguyễn Phước Gia P, sinh ngày 8 tháng 9 năm 2022. Bà B có nguyện vọng được nuôi 03 (ba) con chung và yêu cầu ông L1 cấp dưỡng nuôi 03 (ba) con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án.

Theo đơn trình bày ý kiến ngày 02/01/2025, bà Trần Thị B trình bày bổ sung như sau:

- Về tình cảm: Đề nghị Tòa án giải quyết cho bà L1 được ly hôn với ông Nguyễn Hữu L1

- Về con chung: Vợ chồng có 03 đứa con chung là các cháu Nguyễn Ngọc Nhã K, sinh ngày 10 tháng 07 năm 2013, Nguyễn Phước Gia H, sinh ngày 18 tháng 5 năm 2015, Nguyễn Phước Gia P, sinh ngày 8 tháng 9 năm 2022. Bà B có nguyện vọng được nuôi 03 (ba) con chung và không yêu cầu ông L1 cấp dưỡng nuôi 03 (ba) con chung.

Tại biên bản xác minh ngày 21 tháng 12 năm 2024, đại diện thôn L, xã T cung cấp thông tin:

Bà Trần Thị B và ông Nguyễn Hữu L1 là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T vào ngày 30/01/2013. Sau khi kết hôn một thời gian thì ông L1 và bà B làm nhà riêng và sinh sống với nhau tại thôn L, xã T, huyện T. Thời gian đầu hai vợ chồng ông L1 và bà B sinh sống hạnh phúc và sinh được 03 người con chung. Khoảng 3 đến 4 năm trở lại đây, do buôn bán gặp nhiều khó khăn, ông L1 nợ tiền khá nhiều nên vợ chồng gặp nhiều khó khăn về kinh tế, vợ chồng thường xuyên cãi vã, to tiếng với nhau. Từ tháng 9/2024, bà B cùng con về nhà mẹ đẻ ở thôn P, xã H, huyện H cho đến nay.

Về con chung: Bà B và ông L1 03 đứa con chung là các cháu Nguyễn Ngọc Nhã K, sinh ngày 10 tháng 07 năm 2013, Nguyễn Phước Gia H, sinh ngày 18 tháng 5 năm 2015, Nguyễn Phước Gia P, sinh ngày 8 tháng 9 năm 2022. Hiện tại cả 03 cháu đang sống với bà B tại thôn P, xã H, huyện H. Bà B có thu nhập đủ để nuôi 3 (ba) cháu phát triển tốt.

- **Tại biên bản lấy ý kiến ngày 24/12/2024, cháu Nguyễn Ngọc Nhã K và cháu Nguyễn Phước Gia H trình bày như sau:** Nếu bố mẹ các cháu ly hôn thì các cháu có nguyện vọng được ở với mẹ Trần Thị B để tiện cho việc học tập, sinh hoạt của cháu.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị trình bày ý kiến:**

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị B được ly hôn với ông Nguyễn Hữu L1..

- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Nhã K, sinh ngày 10 tháng 07 năm 2013, Nguyễn Phước Gia H, sinh ngày 18 tháng 5 năm 2015, Nguyễn Phước Gia P, sinh ngày 8 tháng 9 năm 2022 cho bà Trần Thị B nuôi dưỡng..

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- Về án phí: Bà Trần Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Hữu L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị B và ông Nguyễn Hữu L1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 30 tháng 01 năm 2013 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông L1 là hợp pháp. Nay, bà B khởi kiện yêu cầu ly hôn ông L1 nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS để xem xét giải quyết vụ án.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị B, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn thì vợ chồng bà B và ông L1 sinh sống tại thôn L, xã T, huyện T. Từ đầu năm 2023, vợ chồng bà B và ông L1 phát sinh mâu thuẫn, đến tháng 9/2024 thì bà B cùng con về nhà mẹ đẻ ở thôn P, xã H, huyện H cho đến nay; còn ông L1 vẫn sống thôn L, xã T, huyện T. Xét thấy, hôn nhân là sự tự nguyện, yêu thương, giữ gìn hạnh phúc bên nhau nhưng vợ chồng bà B và ông L1 không còn chung sống với nhau từ tháng

9/2024; Toà án đã ra thông báo hoà giải nhưng ông L1 không đến Toà án để phối hợp giải quyết là thể hiện sự bỏ mặc cuộc sống hôn nhân. Vì vậy, cuộc sống hôn nhân giữa bà B và ông L1 đã trầm trọng, không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B để xem xét cho bà B được ly hôn đối với ông L1.

[3]. *Về con chung*: Bà B và ông L1 có con chung là các cháu Nguyễn Ngọc Nhã K, sinh ngày 10 tháng 07 năm 2013, Nguyễn Phước Gia H, sinh ngày 18 tháng 5 năm 2015, Nguyễn Phước Gia P, sinh ngày 8 tháng 9 năm 2022. Thấy rằng, từ nhỏ đến lớn các cháu đều sống với mẹ. Nguyễn vọng của các cháu Nguyễn Ngọc Nhã K, Nguyễn Phước Gia H đều mong muốn được ở với mẹ. Cháu Nguyễn Phước Gia P đang dưới 36 tháng tuổi. Do đó, để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của các cháu Nhã K, G, Gia P thì giao các cháu cho bà B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Bà B không yêu cầu ông L1 cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

[5]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6]. *Về án phí*: Bà Trần Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS; các Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị B được ly hôn với ông Nguyễn Hữu L1.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Nhã K, sinh ngày 10 tháng 07 năm 2013, Nguyễn Phước Gia H, sinh ngày 18 tháng 5 năm 2015, Nguyễn Phước Gia P, sinh ngày 8 tháng 9 năm 2022 cho bà Trần Thị B nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Hữu L1 không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Người không có nghĩa vụ nuôi con có quyền thăm non, chăm sóc con chung và không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí: Bà Trần Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000223 ngày 22/10/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Bà Trần Thị B đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Bà Trần Thị B và ông Nguyễn Hữu L1 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;
- CCTHADS huyện Triệu Phong;
- UBND xã Triệu Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đình Hùng